

PHỤ LỤC I

Danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn
(Kèm theo Quyết định số 2655 /QĐ-UBND ngày 06/9/2026 của UBND thành phố Đồng Nai)

STT	Tên xã	Tên thôn	Thôn thuộc vùng		Đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
Tổng cộng		207	190	68	28
1	Xã Lộc Thạnh	3	3	0	2
1		Ấp Lộc Thạnh	X		
2		Ấp Lộc Hòa	X		X
3		Ấp Hòa Cường	X		X
2	Xã Bù Gia Mập	3	3	3	2
1		Thôn Đăk Côn	X	X	X
2		Thôn Bù Lư	X	X	
3		Thôn Đăk Mai	X	X	X
3	Xã Đăk O	4	4	4	2
1		Thôn Đăk Lim	X	X	
2		Thôn Bù Xia	X	X	
3		Thôn Bù Bung	X	X	X
4		Thôn Bù Khon	X	X	X
4	Xã Thọ Sơn	6	6	6	2
1		Thôn Sơn Thượng	X	X	
2		Thôn Bù Lạch	X	X	X
3		Thôn Sơn Lang	X	X	X
4		Thôn Sơn Hòa	X	X	
5		Thôn Sơn Lập	X	X	
6		Thôn Phú Sơn	X	X	
5	Xã Nghĩa Trung	7	5	7	0
1		Thôn Đức Bồn	X	X	
2		Thôn Đức Liễu		X	
3		Thôn Sao Bọng	X	X	
4		Thôn Nghĩa Bình	X	X	
5		Thôn Nghĩa Thành	X	X	
6		Thôn Bù Na		X	
7		Thôn Lam Sơn	X	X	
6	Xã Tân Tiến	5	5	0	2
1		Thôn Tân Lộc	X		X
2		Thôn Tân An	X		X
3		Thôn Tân Thành	X		
4		Thôn Tân Thuận	X		
5		Thôn Tân Tiến	X		
7	Xã Hưng Phước	4	4	0	0
1		Ấp Phước Thiện	X		
2		Ấp Bù Tam	X		
3		Ấp Hưng Phước	X		
4		Ấp Mười Mầu	X		
8	Xã Phú Trung	2	2	0	0
1		Thôn Đồng Tâm	X		
2		Thôn Đồng Tiến	X		
9	Xã Lộc Quang	5	5	0	4
1		Thôn Lộc Phú	X		
2		Thôn Chàng Hai	X		X
3		Thôn Việt Quang	X		X
4		Thôn Bồn Xăng	X		X
5		Thôn Bù Tam	X		X
10	Xã Đa Kia	4	4	0	4

1		Thôn Bù Tam	X		X
2		Thôn Bình Hà	X		X
3		Thôn Bù Ha	X		X
4		Thôn Bình Giai	X		X
11	Xã Phú Nghĩa	8	7	8	2
1		Thôn Khắc Khoan	X	X	
2		Thôn Tân Lập	X	X	
3		Thôn Bù Gia Phúc	X	X	
4		Thôn Đắc Sơn	X	X	X
5		Thôn Phú Ván		X	
6		Thôn Thác Dài	X	X	X
7		Thôn Đức Hạnh	X	X	
8		Thôn Bình Đức	X	X	
12	Xã Đak Nhou	5	5	5	2
1		Thôn 1	X	X	
2		Thôn Đak Wí	X	X	
3		Thôn Đak Nung	X	X	X
4		Thôn Đak La	X	X	X
5		Thôn Thống Nhất	X	X	
13	Xã Cẩm Mỹ	3	3	0	0
1		Nhân Nghĩa	X		
2		Bảo Bình 1	X		
3		Bảo Bình 2	X		
14	Xã La Ngà	2	2	0	0
1		Ấp 1	X		
2		Ấp Đức Thắng	X		
15	Phường Hàng Gòn	2	0	2	0
1		Khu phố Hàng Gòn		X	
2		Khu phố Xuân Tân		X	
16	Xã Phước Sơn	8	8	8	4
1		Thôn Phước Thịnh	X	X	
2		Thôn Phước Lộc	X	X	X
3		Thôn Phước Tâm	X	X	
4		Thôn Phước Hòa	X	X	X
5		Thôn Phước Tiến	X	X	
6		Thôn Phước Thiện	X	X	X
7		Thôn Phước Thành	X	X	X
8		Thôn Phước An	X	X	
17	Xã Bom Bo	5	5	5	0
1		Thôn Bom Bo	X	X	
2		Thôn 2	X	X	
3		Thôn 3	X	X	
4		Thôn 4	X	X	
5		Thôn 5	X	X	
18	Xã Phú Lâm	4	2	2	0
1		Ấp Phú Sơn		X	
2		Ấp Phú Lợi		X	
3		Ấp Phương Lâm	X		
4		Ấp Phú Bình	X		
19	Xã Tân Lợi	5	5	2	0
1		Ấp Tân Hòa	X		
2		Ấp Trảng Tranh	X		
3		Ấp Tân Hưng	X		
4		Ấp Suối Nhung	X	X	
5		Ấp Thạch Màng	X	X	
20	Xã Bàu Hàm	5	5	0	0

1		Ấp Sông Thao	X		
2		Ấp Tân Lập	X		
3		Ấp Cây Gáo	X		
4		Ấp Thanh Bình	X		
5		Ấp Bàu Hàm	X		
21	Phường Xuân Lộc	2	2	0	0
1		Ấp Trung Tín	X		
2		Ấp Thọ Chánh	X		
22	Xã Sông Ray	2	2	0	0
1		Ấp 1	X		
2		Ấp 2	X		
23	Phường Long Khánh	2	2	0	0
1		Khu phố Phú Bình	X		
2		Khu phố Bàu Trâm	X		
24	Phường Trảng Bom	2	2	0	0
1		Khu phố Sông Trầu 1	X		
2		Khu phố Sông Trầu 3	X		
25	Xã Phú Hòa	3	3	0	0
1		Ấp Phú Lợi	X		
2		Ấp Phú Hoa	X		
3		Ấp Phú Thịnh	X		
26	Phường Tân Phú	2	2	0	0
1		Khu phố 1	X		
2		Khu phố 9	X		
27	Xã Minh Đức	4	4	0	0
1		Ấp Đồng Dầu	X		
2		Ấp Ba Veng	X		
3		Ấp An Phú	X		
4		Ấp Bình Phú	X		
28	Xã Bù Đăng	7	4	7	0
1		Thôn Đức Phong		X	
2		Thôn Đức Thọ	X	X	
3		Thôn Hòa Đồng	X	X	
4		Thôn Minh Hưng		X	
5		Thôn Hưng Vượng		X	
6		Thôn Hưng Phú	X	X	
7		Thôn Vĩnh Thiện	X	X	
29	Phường Bình Long	4	4	0	0
1		Khu phố Hưng Chiến	X		
2		Khu phố Bình Tây	X		
3		Khu phố Đông Phát	X		
4		Khu phố Bình An	X		
30	Phường Phước Long	5	0	5	0
1		Khu phố Thác Mơ		X	
2		Khu phố 6 tháng 1		X	
3		Khu phố Sơn Giang		X	
4		Khu phố Phước Tín		X	
5		Khu phố Phước Quả		X	
31	Xã Định Quán	2	0	2	0
1		Ấp Thuận Tùng		X	
2		Ấp Phú Hiệp		X	
32	Xã Long Hà	3	3	0	0
1		Thôn Tân Long 4	X		
2		Thôn Tân Long 5	X		
3		Thôn Tân Long 6	X		
33	Xã Thuận Lợi	3	3	0	0

1		Ấp Thuận Hải	X		
2		Ấp Thuận Phú	X		
3		Ấp Thuận Hòa	X		
34	Xã Tân Quan	8	8	0	0
1		Ấp Sóc Tranh	X		
2		Ấp Bàu Vàng	X		
3		Ấp Sóc Trào	X		
4		Ấp Hưng Thạnh	X		
5		Ấp Tổng Cui	X		
6		Ấp Văn Hiên	X		
7		Ấp Trường An	X		
8		Ấp Quang Minh	X		
35	Xã Xuân Phú	3	3	1	0
1		Ấp Lang Minh	X	X	
2		Ấp Xuân Tiến	X		
3		Ấp Xuân Phú	X		
36	Xã Xuân Hòa	2	2	0	0
1		Ấp Gia Ui	X		
2		Ấp Đoàn Kết	X		
37	Xã Xuân Đông	4	4	0	0
1		Ấp 1	X		
2		Ấp 2	X		
3		Ấp 3	X		
4		Ấp 5	X		
38	Xã Lộc Thành	4	4	0	1
1		ấp Chà Là	X		
2		ấp Tà Tê	X		
3		ấp Lộc Bình	X		
4		ấp K Liêu	X		X
39	Xã Nha Bích	5	5	0	0
1		Ấp 1	X		
2		Ấp 2	X		
3		Ấp 4	X		
4		Ấp 5	X		
5		Ấp 7	X		
40	Xã Lộc Hưng	4	4	0	0
1		Ấp Hưng Phú	X		
2		Ấp Lộc Điền	X		
3		Ấp Lộc Khánh	X		
4		Ấp Sóc Lớn	X		
41	Xã Tân Hưng	7	7	0	0
1		Hưng Phát	X		
2		Hưng Yên	X		
3		Hưng Long	X		
4		Hưng An	X		
5		Hưng Phú	X		
6		Hưng Sơn	X		
7		Hưng Thịnh	X		
42	Xã Đak Lua	1	1	0	0
1		Ấp Đak Lua 2	X		
43	Xã Đồng Tâm	6	6	1	0
1		Ấp Đồng Tiến	X		
2		Ấp Cầu 11	X		
3		Ấp Lam Sơn	X	X	
4		Ấp Suối Bình	X		
5		Ấp Tân Phước	X		

6		Ấp Cầu Rạt	X		
44	Xã Thanh Sơn	2	2	0	1
1		Ấp 1	X		
2		Ấp 2	X		X
45	Xã Phú Vinh	5	5	0	0
1		Ấp Phú Vinh	X		
2		Ấp 120	X		
3		Ấp Phú Tân	X		
4		Ấp 115	X		
5		Ấp Suối Soong	X		
46	Thiện Hưng	2	2	0	0
1		Ấp Sông Bé	X		
2		Ấp Giao Liên	X		
47	Phường Phước Bình	1	1	0	0
1		Khu phố Bình Minh	X		
48	Phường Bình Lộc	2	2	0	0
1		Khu phố Bình Lộc	X		
2		Khu phố Xuân Thiện	X		
49	Xã Phú Riêng	1	1	0	0
1		Thôn Phú Bình	X		
50	Xã Tà Lài	1	1	0	0
1		Ấp 4	X		
51	Xã Nam Cát Tiên	1	1	0	0
1		Ấp Núi Tượng	X		
52	Phường Bình Phước	1	1	0	0
1		Khu phố Tân Xuân 2	X		
53	Xã Bình Tân	2	2	0	0
1		Thôn Bình Tân 7	X		
2		Thôn Bình Tân 8	X		
54	Phường Lộc Ninh	1	1	0	0
1		Khu phố 10	X		
55	Xã Thống Nhất	1	1	0	0
1		Ấp Tân Lập	X		
56	Phường Xuân Lập	1	1	0	0
1		Khu phố Bàu Sen	X		
57	Xã Xuân Thành	1	1	0	0
1		Ấp Tân Hưng	X		
58	Xã Xuân Định	1	1	0	0
1		Ấp Xuân Bảo	X		
59	Xã Xuân Quế	1	1	0	0
1		Ấp Xuân Tiến	X		
60	Phường An Lộc	2	2	0	0
1		Khu phố Phú Thành	X		
2		Khu phố Phố Lố	X		
61	Phường Đồng Xoài	1	1	0	0
1		Khu phố Bưng Sê	X		
62	Phường Tân Khai	1	1	0	0
1		Khu phố Tân Hiệp	X		
63	Xã Lộc Tấn	3	3	0	0
1		Ấp Bù Núi	X		
2		Ấp Thiện Phát	X		
3		Ấp Măng Cai	X		
64	Xã Phú Lý	1	1	0	0
1		Ấp Lý Lịch	X		

Ghi chú: Thôn Bình Giai, xã Đa Kia là thôn đặc biệt khó khăn giai đoạn 2026-2030, không thực hiện sắp xếp.

PHỤ LỤC II

Danh sách xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III

(Kèm theo Quyết định số 2655 /QĐ-UBND ngày 06/9/2026 của UBND thành phố Đồng Nai)

TT	Tên xã, phường	Xã		Xã thuộc khu vực I, II, III	Số thôn dân tộc thiểu số và miền núi	
		Dân tộc thiểu số	Miền núi		Tổng số thôn	Số thôn đặc biệt khó khăn
I	TỔNG CỘNG	44	11	46	207	28
1	Thôn, ấp vùng dân tộc thiểu số và miền núi nằm ngoài xã khu vực I, II, III				25	0
2	Xã khu vực I	32	5	34	126	6
3	Xã khu vực II	9	4	9	46	16
4	Xã khu vực III	3	2	3	10	6
II	CHI TIẾT	44	11	46	182	28
1	Xã Cẩm Mỹ	X		I	3	
2	Xã La Ngà	X		I	2	
3	Phường Hàng Gòn		X	I	2	
4	Xã Phước Sơn	X	X	I	8	4
5	Xã Bom Bo	X	X	I	5	
6	Xã Phú Lâm	X		I	4	
7	Xã Tân Lợi	X		I	5	
8	Xã Bàu Hàm	X		I	5	
9	Phường Dầu Giây	X		I	0	
10	Phường Xuân Lộc	X		I	2	
11	Xã Sông Ray	X		I	2	
12	Phường Long Khánh	X		I	2	
13	Phường Trảng Bom	X		I	2	
14	Xã Phú Hòa	X		I	3	
15	Phường Tân Phú	X		I	2	
16	Xã Minh Đức	X		I	4	
17	Xã Bù Đăng	X	X	I	7	
18	Phường Bình Long	X		I	4	
19	Phường Phước Long		X	I	5	
20	Xã Định Quán	X		I	2	
21	Xã Long Hà	X		I	3	
22	Xã Thuận Lợi	X		I	3	
23	Xã Tân Quan	X		I	8	
24	Xã Xuân Phú	X		I	3	
25	Xã Xuân Hòa	X		I	2	
26	Xã Xuân Đông	X		I	4	
27	Xã Lộc Thành	X		I	4	1
28	Xã Nha Bích	X		I	5	
29	Xã Lộc Hưng	X		I	4	
30	Xã Tân Hưng	X		I	7	
31	Xã Đak Lua	X		I	1	
32	Xã Đồng Tâm	X		I	6	
33	Xã Thanh Sơn	X		I	2	1
34	Xã Phú Vinh	X		I	5	
35	Xã Thọ Sơn	X	X	II	6	2
36	Xã Nghĩa Trung	X	X	II	7	
37	Xã Tân Tiến	X		II	5	2
38	Xã Hưng Phước	X		II	4	
39	Xã Phú Trung	X		II	2	
40	Xã Lộc Quang	X		II	5	4
41	Xã Đa Kia	X		II	4	4
42	Xã Phú Nghĩa	X	X	II	8	2
43	Xã Đak Nhau	X	X	II	5	2
44	Xã Lộc Thạnh	X		III	3	2
45	Xã Bù Gia Mập	X	X	III	3	2
46	Xã Đăk Ô	X	X	III	4	2